ỦY BAN DỰ THẢO SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP NĂM 1992 Số: 287/BC-UBDTSĐHP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2013*

BÁO CÁO

Về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 trên cơ sở ý kiến nhân dân

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội,

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, ngày 02/01/2013, Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đã được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân. Các cơ quan, tổ chức, địa phương đã tổ chức triển khai việc lấy ý kiến nhân dân một cách khẩn trương, đồng bộ, dân chủ, rộng khắp và đúng tiến độ. Việc lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của năm 2013, đã thu hút và nhận được sự quan tâm sâu sắc, đồng tình ủng hộ của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Dự thảo sửa đổi Hiến pháp đã được phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và được tổ chức góp ý bằng nhiều hình thức thích hợp và đã được chuyển đến từng hộ gia đình, đến công nhân, học sinh, sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng, đến các tổ viên, hội viên của các tổ chức đoàn thể xã hội. Dự thảo sửa đổi Hiến pháp cũng đã được gửi xin ý kiến các đồng chí nguyên lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước.

Hoạt động lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp đã thực sự là đợt sinh hoạt chính trị – pháp lý dân chủ, sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân và cả hệ thống chính trị. Việc lấy ý kiến nhân dân không chỉ huy động được sự tham gia tích cực của nhân dân ở trong nước và đồng bào Việt Nam ở nước ngoài để góp ý, hoàn thiện Dự thảo mà còn phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, cơ quan, tổ chức đối với việc xây dựng Dự thảo Hiến pháp, cũng như thực thi Hiến pháp sau này.

Với sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, theo báo cáo của các cơ quan, tổ chức hữu quan, tính đến nay, đã có hơn 26.091.000 lượt ý kiến góp ý của nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp, với hơn 28.000 hội nghị, hội thảo, tọa đàm được tổ chức[1]. Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 (Ủy ban DTSĐHP) đã tập hợp,

tổng hợp đầy đủ, kịp thời, khách quan, trung thực ý kiến của nhân dân (*xin xem Báo cáo tổng hợp ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp của Uỷ ban DTSĐHP – hơn 800 trang, Báo cáo tổng hợp ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp của các cơ quan của Quốc hội,Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan của Trung ương Đảng, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị – xã hội, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam – khoảng 1600 trang*). Nhìn chung, ý kiến của nhân dân tán thành với các nội dung cơ bản của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 do Ủy ban DTSĐHP công bố, đồng thời nhân dân cũng góp nhiều ý kiến tâm huyết, trí tuệ và trách nhiệm vào các nội dung cụ thể của Dự thảo.

Trên cơ sở ý kiến của nhân dân, ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức hữu quan, bám sát Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng, Ủy ban DTSĐHP đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp này (*xin xem Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý về các nội dung cụ thể của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 trên cơ sở ý kiến của nhân dân – 150 trang*).

Dưới đây, Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội một số nội dung cơ bản, được nhiều ý kiến quan tâm về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 như sau:

I. VỀ LỜI NÓI ĐẦU

Qua tổng hợp, có nhiều ý kiến nhân dân đóng góp về Lời nói đâu, trong đó có 4 loại ý kiến chính như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với Lời nói đầu như Dự thảo nhưng đề nghị chỉnh sửa về mặt kỹ thuật cho khái quát, ngắn gọn, chính xác hơn và tránh trùng lặp.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị bổ sung vào Lời nói đầu các mốc quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nêu khái quát về lịch sử lập hiến nước ta.

– *Loại ý kiến thứ ba* đề nghị nêu rõ các thành tựu trong công cuộc xây dựng, bảo vệ, đổi mới đất nước; đề nghị lời nói đầu phải được thể hiện mang tính chất tuyên xưng của nhân dân Việt Nam với thế giới.

– *Loại ý kiến thứ tư* đề nghị viết lại Lời nói đầu thật cô đọng, súc tích theo hướng ghi nhận một cách tổng quát mục tiêu sửa đổi Hiến pháp, định hướng phát triển của đất nước và vai trò của nhân dân trong việc xây dựng và thi hành Hiến pháp.

Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Đúng như ý kiến nhân dân đã nêu, Lời nói đầu là một bộ phận rất quan trọng của mỗi bản Hiến pháp. Tuy nhiên, cách thể hiện, mức độ và liều lượng sự kiện lịch sử đưa vào Lời nói đầu thì cần được cân nhắc kỹ để có quy định hợp lý. Trên cơ sở kế thừa nội dung cơ bản Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1992, Lời nói đầu trong Dự thảo đã được chỉnh lý theo yêu cầu ngắn gọn và súc tích hơn, nêu khái quát truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc, sự ra đời của

Đảng và Nhà nước gắn với quá trình xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, xác định rõ mục tiêu, chủ thể xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

II. VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ (CHƯƠNG I)

1. Về Điều 1

Qua tổng hợp, có nhiều ý kiến nhân dân đóng góp về vấn đề này. Nhìn chung các ý kiến cho rằng Điều 1 của Dự thảo đã thể hiện rõ những tiêu chí cơ bản của Nhà nước như tên nước, hình thức chính thể, chủ quyền quốc gia. Riêng về tên nước, còn có các loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* đa số ý kiến đề nghị tiếp tục quy định tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tên gọi này ra đời trong bối cảnh nước ta vừa hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, khẳng định rõ con đường, mục tiêu xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN) của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Tên gọi này đã được sử dụng ổn định từ tháng 7 năm 1976 đến nay, đã được chính thức ghi nhận trong Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992. Hơn nữa, việc thay đổi tên nước trong thời điểm hiện nay sẽ dẫn đến những hệ quả không có lợi, thậm chí có thể bị xuyên tạc là ta đang xa rời mục tiêu, con đường lên chủ nghĩa xã hội và làm phát sinh nhiều thủ tục hành chính, gây tốn kém, phức tạp.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị lấy lại tên gọi Việt Nam dân chủ cộng hòa vì tên gọi này gắn liền với sự ra đời của chính thể cộng hòa đầu tiên ở nước ta, là thành quả của cuộc cách mạng giành độc lập tháng Tám năm 1945. Tên gọi này đã được chính thức ghi nhận trong Bản tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên đọc ngày 02 tháng 9 năm 1945 và tiếp tục được khẳng định trong Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, thể hiện rõ thể chế chính trị của nước ta là cộng hòa, bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ. Ý kiến này cho rằng, việc lựa chọn tên nước là Việt Nam dân chủ cộng hòa không làm ảnh hưởng đến mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta vì Lời nói đầu cũng như các quy định khác của Dự thảo đều khẳng định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ngoài ra, cũng có ý kiến đề nghị một số tên gọi khác.

Trên cơ sở nghiên cứu các ý kiến nêu trên, Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Việt Nam dân chủ cộng hòa đều thể hiện rõ chính thể của nước ta là cộng hòa, bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ. Tuy nhiên, việc giữ nguyên tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhằm tiếp tục khẳng định mục tiêu, con đường xây dựng và phát triển đất nước lên chủ nghĩa xã hội, bảo đảm tính ổn định, tránh việc phải thay đổi về quốc huy, con dấu, quốc hiệu trên các văn bản, giấy tờ. Hơn nữa, trải qua 37 năm, tên gọi này đã trở nên quen thuộc đối với nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế.

2. Về Điều 2

Qua tổng hợp, có nhiều ý kiến của nhân dân tham gia góp ý Điều 2 của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp quy định về bản chất nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, thực hiện quyền lực nhà nước. Về quy định "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng

là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức", hiện có các ý kiến khác nhau trong đó có các loại ý kiến chính sau đây:

– *Loại ý kiến thứ nhất* đề nghị giữ quy định như trong Dự thảo đã công bố lấy ý kiến nhân dân, khẳng định nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị khẳng định nền tảng là khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

– *Loại ý kiến thứ ba* đề nghị chỉ quy định một cách tổng quát "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân".

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, các ý kiến nói trên về cơ bản đều nhất quán với quan điểm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực của sự phát triển. Tuy nhiên, tại Điều này của Hiến pháp cần thể hiện rõ bản chất giai cấp của Nhà nước. Do đó, Ủy ban DTS ĐHP đề nghị kế thừa các quy định của Hiến pháp năm 1992 tiếp tục quy định "Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức" nhằm thể hiện bản chất giai cấp của Nhà nước, đồng thời khẳng định nền tảng vững chắc của chính quyền nhân dân, phù hợp với tính chất và nguyên tắc tổ chức của Nhà nước.

3. Về Điều 4

Về cơ bản, ý kiến nhân dân tán thành việc khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, tán thành bổ sung quy định Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Qua tổng hợp, nhân dân tập trung góp nhiều ý kiến về cách thể hiện Điều 4, cụ thể như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với nội dung Điều 4 như trong Dự thảo đã công bố vì đã thể hiện một cách đầy đủ các nội dung và tinh thần của Cương lĩnh, Điều lệ Đảng về bản chất giai cấp, nền tảng tư tưởng của Đảng.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị viết lại một cách khái quát, cô đọng tránh trùng lặp; chỉ cần khẳng định vai trò của Đảng trong Hiến pháp là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, còn những nội dung quy định về bản chất, nền tảng tư tưởng của Đảng đã được khẳng định trong Cương lĩnh và Điều lệ Đảng, không cần thiết phải quy định lại trong Hiến pháp. Bên cạnh đó, cũng có ý kiến đề nghị không quy định Điều 4 vì Đảng là tổ chức chính trị, được tổ chức và hoạt động theo Cương lĩnh và Điều lệ.

Ủy ban DTSĐHP báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Trước hết, cần khẳng định rằng, việc giữ Điều 4 quy định về vai trò lãnh đạo của Đảng là cần thiết. Quy định này là kế thừa quy định tại Điều 4 của Hiến pháp hiện hành, khẳng định tính lịch sử, tính tất yếu khách quan sự lãnh đạo của Đảng đối với quá trình cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nước ta. Dự thảo đã bổ sung quy định về bản chất của Đảng theo tinh thần mới của Cương lĩnh, đó là: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại

biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng". Chính do bản chất và nền tảng tư tưởng của Đảng như vậy nên nhân dân ta mới thừa nhận vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng và ghi nhận vào Hiến pháp – đạo luật cơ bản của Nhà nước.

Do vậy, Ủy ban DTSĐHP đề nghị Quốc hội cho giữ Điều 4 như Dự thảo đã công bố.

– *Có ý kiến đề nghị làm rõ hơn cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, cơ chế chịu trách nhiệm của Đảng và cơ chế để nhân dân giám sát Đảng.* Ý kiến này đề nghị cần có Luật về Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm tạo cơ sở pháp lý cho Đảng thực thi vai trò, sứ mệnh lịch sử của mình đối với Nhà nước và xã hội, tạo sự minh bạch trong hoạt động của Đảng, tạo cơ sở cho nhân dân giám sát hoạt động của tổ chức Đảng và đảng viên.

Về vấn đề này, Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, Đảng ta là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo thông qua Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng và chính sách, chủ trương lớn của mình… Cách thức, nội dung lãnh đạo được thể hiện linh hoạt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn, từng thời kỳ. Bên cạnh đó, quy định mọi tổ chức Đảng, đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật hiện đã là một bảo đảm quan trọng để nhân dân có điều kiện giám sát, giúp cho Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh hơn, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Hơn nữa, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cũng là vấn đề đang được tổng kết, nghiên cứu. Vì vậy, Ủy ban DTSĐHP đề nghị Quốc hội không đưa vấn đề ban hành luật về Đảng vào Dự thảo Hiến pháp.

4. Về Điều 9 và Điều 10

Liên quan đến các quy định của Hiến pháp về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 9) và vai trò của tổ chức Công đoàn (Điều 10), qua tổng hợp có một số loại ý kiến chính như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* đề nghị bổ sung thêm một khoản quy định về các tổ chức chính trị – xã hội và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận để làm rõ tính gắn kết trong mối quan hệ giữa các tổ chức này, phản ánh đặc thù của hệ thống chính trị nước ta.

– *Loại ý kiến thứ hai* tán thành quy định về Mặt trận Tổ quốc (tại Điều 9) và đề nghị sửa Điều 10 theo hướng quy định chung về các tổ chức chính trị – xã hội bởi vì nếu chỉ đề cập đến tổ chức Công đoàn như Điều 10 hiện nay sẽ không phản ánh được vai trò của các tổ chức chính trị – xã hội khác, không tạo cơ sở hiến định, bảo đảm sự bình đẳng cũng như không làm rõ được mối quan hệ, sự gắn kết giữa các tổ chức này với nhau và với Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị của nước ta.

– *Loại ý kiến thứ ba* tán thành với cách quy định của Hiến pháp hiện hành là có điều riêng quy định về Mặt trận Tổ quốc và một điều quy định về Công đoàn.

Trên cơ sở nghiên cứu ý kiến của nhân dân, Ủy ban DTSĐHP xin tiếp thu và bổ sung một khoản vào Điều 9 quy định chung về các tổ chức chính trị – xã hội với tư cách là các

tổ chức đại diện cho các lực lượng xã hội đông đảo nhất trong mối quan hệ gắn bó, cùng phối hợp và thống nhất hành động để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khoản 2 Điều 9). Về quy định về Công đoàn Việt Nam tại Điều 10, Ủy ban xin trình Quốc hội hai phương án:

Phương án 1: không có Điều 10 vì vai trò của Công đoàn đã được thể hiện tại khoản 2 Điều 9.

Phương án 2: giữ Điều 10 quy định về Công đoàn Việt Nam như Dự thảo đã công bố để tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của tổ chức Công đoàn.

III. VỀ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN (CHƯƠNG II)

Qua tổng hợp ý kiến của nhân dân, đa số ý kiến tán thành với việc bố cục chương về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân thành Chương II và đánh giá cao việc ghi nhận các quyền con người trong Dự thảo đã bao quát hầu hết các quyền cơ bản về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của con người theo các điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên. Dự thảo đã tiếp tục khẳng định và làm rõ hơn các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 1992. Đồng thời, Dự thảo cũng đã bổ sung một số quyền mới. Nhiều ý kiến đề nghị sửa kỹ thuật, câu chữ. Ủy ban DTSĐHP đã rà soát các điều khoản trong Chương II để tiếp thu, chỉnh lý theo ý kiến của nhân dân để trình Quốc hội. Theo đó, tập trung vào các loại ý kiến sau đây:

– *Loại ý kiến thứ nhất* đề nghị cần làm rõ, phân biệt khái niệm quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp.

Ủy ban DTSĐHP báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Quyền con người là quyền tự nhiên, vốn có của con người từ lúc sinh ra; còn quyền công dân trước hết cũng là quyền con người, nhưng việc thực hiện nó gắn với quốc tịch, tức là vị thế pháp lý của công dân trong quan hệ với Nhà nước, được Nhà nước bảo đảm đối với công dân của nước mình. Chỉ những người có quốc tịch mới được hưởng quyền công dân ở quốc gia đó, ví dụ như quyền bầu cử, ứng cử, quyền tham gia quản lý nhà nước… Để làm rõ sự khác biệt này, tham khảo các Công ước quốc tế về quyền con người và Hiến pháp các nước, Dự thảo sử dụng từ “mọi người”, “không ai” khi thể hiện quyền con người và dùng từ “công dân” khi quy định về quyền công dân.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị xem lại cách quy định về quyền con người và quyền công dân, tách riêng quyền con người, quyền công dân thành các mục khác nhau.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, quyền con người, quyền công dân có mối quan hệ hữu cơ, gắn bó. Vì vậy, Dự thảo không tách bạch thành các mục riêng về quyền con người và quyền công dân, mà quy định theo kết cấu của các Công ước quốc tế về quyền con người. Theo đó, các nội dung của Chương II được sắp xếp như sau: các nguyên tắc chung, các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, cuối cùng là quy định về nghĩa vụ. Nếu quy định những điều về quyền con người rồi tiếp đến là quyền công dân

thì dẫn đến tình trạng lặp lại các quyền ở phần quy định về quyền công dân. Tham khảo Hiến pháp của các nước cũng được bố cục tương tự.

– *Loại ý kiến thứ ba* đề nghị phải xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước và những bảo đảm của Nhà nước để các quyền trong Hiến pháp có tính hiện thực và khả thi.

Trên cơ sở nghiên cứu các ý kiến nêu trên, Ủy ban DTSĐHP đã dự kiến trình Quốc hội chỉnh sửa các điều khoản để rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực hiện quyền, bảo đảm nguyên tắc vừa ghi nhận quyền con người, quyền công dân vừa thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền tại các điều 15, 18, 20, 24, 29, 31, 39 và 40….

– *Loại ý kiến thứ tư* cho rằng về cơ bản quyền con người là không bị hạn chế, nhưng nếu hạn chế phải chỉ rõ cơ sở để hạn chế và chỉ được hạn chế theo quy định của luật.

Theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966, một số quyền có thể bị giới hạn vì lý do bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe, đạo đức xã hội, quyền và tự do của người khác… Như vậy, tùy vào từng quyền mà việc giới hạn quyền được quy định cho phù hợp. Do đó, trên cơ sở ý kiến nhân dân, theo tinh thần các Công ước quốc tế, Ủy ban DTSĐHP đã chỉnh sửa trình Quốc hội Điều 15 khoản 2 để làm rõ hơn lý do và những trường hợp có thể giới hạn quyền, khắc phục sự tùy tiện trong việc hạn chế quyền. Theo đó, "*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế ở mức độ cần thiết trong trường hợp khẩn cấp vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức, sức khỏe của cộng đồng".*

– *Loại ý kiến thứ năm* đề nghị xác định rõ trường hợp nào việc thực hiện quyền theo quy định của luật, trường hợp nào theo quy định của pháp luật để tránh sự lạm dụng, vi phạm quyền công dân của các cơ quan công quyền; bảo đảm nguyên tắc quyền do Hiến pháp và luật quy định.

Ủy ban DTSĐHP báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Hệ thống pháp luật của Việt Nam gồm nhiều văn bản khác nhau, do các cơ quan có thẩm quyền khác nhau ban hành, từ Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội đến nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã. Quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là những nội dung rất quan trọng, liên quan trực tiếp đến con người, công dân. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân chỉ có thể được quy định trong Hiến pháp mà không thể quy định bằng pháp luật nói chung; khi được quy định trong Hiến pháp thì đã có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, để thực hiện một số quyền thì pháp luật phải quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục cụ thể. Vì vậy, tiếp thu ý kiến của nhân dân, Ủy ban DTSĐHP đã rà soát từng quyền trong Chương II để thể hiện trường hợp nào thì theo quy định của luật (các điều 22, 23, 23a, 38 và 48), trường hợp nào thì "theo quy định của pháp luật" (các điều 24, 26, 31 và 32).

– *Loại ý kiến thứ sáu* cho rằng, Dự thảo Hiến pháp chưa làm rõ nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong mối quan hệ với quyền.

Về vấn đề này, Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, đây là ý kiến hợp lý nên đã rà soát, bổ sung để trình Quốc hội quy định về nghĩa vụ vào các điều 41, 42, 46, 47, 48, 49 và 50. Mặt khác, một số điều khoản khác trong Dự thảo đã có những quy định về việc nghiêm cấm hoặc sử dụng cụm từ *"không được lợi dụng quyền con người, quyền công dân để xâm phạm/vi phạm…"*. Những quy định này thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong việc tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

– *Bên cạnh đó,* có ý kiến đề nghị làm rõ nội dung của quyền sống tại Điều 21 vì hiện tại Việt Nam vẫn đang áp dụng hình phạt tử hình.

Trên cơ sở nghiên cứu ý kiến nêu trên, Ủy ban DTSĐHP đã bổ sung nội dung này vào Điều 21 để trình Quốc hội "*Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng một cách trái pháp luật*". Quy định như vậy là phù hợp với Công ước quốc tế và tình hình cụ thể của Việt Nam khi mà nước ta vẫn đang áp dụng hình phạt tử hình đối với một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự.

IV. VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG (CHƯƠNG III)

1. Về Điều 53

Qua tổng hợp, có 2 loại ý kiến về Điều này như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* đề nghị giữ như Dự thảo công bố lấy ý kiến nhân dân, theo đó, Điều 53 quy định về mục tiêu, động lực và nội hàm của nền kinh tế nước ta còn Điều 54 sẽ quy định về các thành phần kinh tế.

– *Loại ý kiến thứ hai* cho rằng, quy định quan điểm và mục tiêu của phát triển kinh tế và nội hàm của kinh tế thị trường định hướng XHCN đã được khẳng định trong Cương lĩnh, văn kiện của Đảng. Do đó, ý kiến này đề nghị cân nhắc gộp Điều 53 và Điều 54 thành một Điều chung. Khi đó, nội hàm khái niệm này đã bao hàm một cách đầy đủ, ngắn gọn, súc tích nội dung vì lợi ích dân tộc, vì sự phát triển Tổ quốc.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, tính chất nền kinh tế đóng vai trò quan trọng và có tính quyết định đối với định hướng phát triển đất nước. Vì vậy, Hiến pháp cần có điều riêng quy định về tính chất, mục tiêu của nền kinh tế (Điều 53) cùng với quy định về các thành phần kinh tế (Điều 54). Quy định như vậy vừa thể hiện được bản chất, vừa thể hiện được động lực và mục tiêu của phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đồng thời kế thừa các quy định của Hiến pháp năm 1992.

2. Về các thành phần kinh tế (Điều 54)

– Về các thành phần kinh tế, qua tổng hợp, có 3 loại ý kiến như sau:

Loại ý kiến thứ nhất đề nghị nêu rõ các thành phần kinh tế và vai trò của từng thành phần kinh tế như trong Cương lĩnh.

Loại ý kiến thứ hai tán thành quy định khái quát vai trò của các thành phần kinh tế nhưng cần khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước vì đây là điểm cốt lõi của CNXH.

Loại ý kiến thứ ba tán thành với quy định của Dự thảo công bố lấy ý kiến nhân dân, quy định khái quát vai trò của các thành phần kinh tế. Quy định như vậy vừa bám sát được nội dung Cương lĩnh, vừa phù hợp với tính chất và cách thể hiện Hiến pháp.

Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội như sau: Quy định về tính chất của nền kinh tế và các thành phần kinh tế là nội dung quan trọng của Hiến pháp. Cách thể hiện có thể khác nhau nhưng đều bám sát tinh thần Cương lĩnh. Trên cơ sở nghiên cứu ý kiến của nhân dân, Ủy ban DTSĐHP xin trình Quốc hội 3 phương án tại khoản 1 Điều 54 như sau:

Phương án 1: Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

Phương án 2: Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Phương án 3: Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế.

– Về tính chất của nền kinh tế, các ý kiến cơ bản tán thành như Dự thảo nhưng đề nghị có quy định để làm rõ tính chất của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, vai trò của kinh tế nhà nước hoặc bỏ cụm từ "định hướng XHCN", chỉ quy định tính chất của nền kinh tế nước ta là kinh tế thị trường là đủ; quy định rõ thêm về *"tự do sở hữu, tự do kinh doanh và tự do cạnh tranh"* vì đó là những điều kiện của nền kinh tế thị trường…

Ủy ban DTSĐHP báo cáo Quốc hội vấn đề này như sau: Việc xác định tính chất nền kinh tế đóng vai trò quan trọng và có tính quyết định đối với định hướng phát triển Nhà nước XHCN ở nước ta. Tính chất định hướng XHCN của nền kinh tế Việt Nam bảo đảm mọi thành viên trong xã hội sẽ được hưởng thụ một cách công bằng hơn và tốt hơn các giá trị cũng như lợi ích của sự phát triển kinh tế. Định hướng XHCN của nền kinh tế sẽ tạo tiền đề cho việc khắc phục những hậu quả, khiếm khuyết của kinh tế thị trường cũng như những tác động tiêu cực trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế của nước ta.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy quy định như Dự thảo kế thừa các quy định hiện hành trong Hiến pháp năm 1992 là phù hợp vì một mặt, vừa khẳng định được bản chất, vừa thể hiện được động lực và mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; mặt khác, bảo đảm sự hài hòa và cân bằng mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, tức là thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

3. Về sở hữu đất đai (Điều 57)

Qua tổng hợp, có 3 loại ý kiến về sở hữu đất đai như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* đa số ý kiến tán thành với quy định của Dự thảo. Loại ý kiến này cho rằng quy định đất đai, các tài nguyên thiên thiên, các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý… thuộc sở hữu toàn dân là phù hợp.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị đa dạng hóa sở hữu đất đai, trong đó có sở hữu tập thể, sở hữu cộng đồng và sở hữu tư nhân về đất ở. Ý kiến này cho rằng quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân là không rõ về chủ thể sở hữu.

– *Loại ý kiến thứ ba* đề nghị tách thành hai điều, một điều quy định về sở hữu toàn dân, một điều quy định về sở hữu nhà nước. Ý kiến này cho rằng, cần có sự phân biệt rạch ròi giữa đất đai là tài nguyên quốc gia – thuộc sở hữu toàn dân với những đất đai mà toàn dân đã giao cho Nhà nước – một chủ thể cụ thể quản lý, sở hữu.

Ủy ban DTSĐHP báo cáo Quốc hội vấn đề này như sau: Quy định đất đai, các tài nguyên thiên thiên, các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý… thuộc sở hữu toàn dân là quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã được xác định từ năm 1980 đến nay. Vấn đề sở hữu về đất đai không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề chính trị – xã hội. Để làm rõ hơn nội dung này, Dự thảo đã xác định đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, thềm lục địa, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên cách dùng khái niệm "sở hữu toàn dân" và không quy định đa sở hữu về đất đai.

4. Về thu hồi đất (Điều 58)

Qua tổng hợp, có nhiều ý kiến góp ý về quy định thu hồi đất trong Dự thảo, trong đó có 4 loại ý kiến chính như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với quy định của Dự thảo nhưng đề nghị xác định rõ các nguyên tắc thu hồi đất.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị không quy định về thu hồi đất đối với trường hợp đã có quyền sử dụng đất mà chỉ thu hồi đối với các trường hợp lấn chiếm, sử dụng sai mục đích, kế hoạch, quy hoạch. Tất cả các trường hợp khác đều sử dụng hình thức trưng mua.

– *Loại ý kiến thứ ba* đề nghị chỉ thu hồi đất đối với 3 trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia hoặc lợi ích công cộng mà không quy định trường hợp vì lý do "các dự án phát triển kinh tế – xã hội". Bởi vì, bản thân các dự án phát triển kinh tế – xã hội đã thể hiện lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; đồng thời, cũng tránh việc lạm dụng quy định này để thu hồi đất tràn lan.

– *Loại ý kiến thứ tư* cho rằng, việc quy định quyền sử dụng đất là quyền tài sản dễ dẫn đến mâu thuẫn vì đã xác định quyền sử dụng đất là quyền tài sản tức là có quyền sở hữu và các quyền liên quan, việc thu hồi đất là không hợp lý vì quyền tài sản thì Nhà nước phải trưng mua.

Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội như sau: Thu hồi đất là vấn đề quan trọng, vừa liên quan đến quyền sở hữu toàn dân về đất đai, vừa liên quan đến quyền của người sử dụng đất. Ủy ban DTSĐHP đề nghị Quốc hội quy định cơ chế thu hồi đất vì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, không đặt vấn đề trưng mua vì tổ chức, cá nhân chỉ có quyền sử dụng, không có quyền sở hữu. Tuy nhiên, để bảo đảm việc thu hồi đất không bị lạm dụng, đề nghị bổ sung quy định về nguyên tắc của việc thu hồi, bồi thường, đó là "*Việc thu hồi đất phải có bồi thường, công khai, minh bạch, công bằng theo quy định của pháp luật*"; nội dung cụ thể về điều kiện và thể thức thu hồi, bồi thường sẽ được xác định trong luật.

Về trường hợp thu hồi đất để phục vụ các dự án phát triển kinh tế – xã hội, Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, đất đai là nguồn lực quan trọng cần được khai thác, sử dụng hiệu quả nhằm mục đích phục vụ cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Vì vậy, việc thu hồi đất để phục vụ các dự án phát triển kinh tế – xã hội là cần thiết. Tuy nhiên, để tránh việc thu hồi đất tràn lan, Dự thảo quy định "*Nhà nước thu hồi đất do tổ chức, cá nhân đang sử dụng trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các dự án phát triển kinh tế – xã hội. Các trường hợp thu hồi đất do luật định. Việc thu hồi đất phải có bồi thường, công khai, minh bạch, công bằng theo quy định của pháp luật*".

5. Ngoài ra, trên cơ sở ý kiến nhân dân, Ủy ban DTSĐHP đã chỉnh lý trình Quốc hội về các vấn đề như: ngân sách nhà nước, lao động, việc làm, y tế, an sinh xã hội, văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường như trong Dự thảo.

V. VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (CHƯƠNG IV)

Qua tổng hợp, cơ bản các ý kiến nhân dân tán thành với quy định về bảo vệ Tổ quốc như Dự thảo đã công bố. Về Điều 70, có các loại ý kiến sau đây:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với những sửa đổi, bổ sung của Dự thảo nhưng đề nghị đảo cụm từ *"lực lượng vũ trang phải tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, nhân dân"* lên trước cụm từ *"trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam"*. Loại ý kiến này cho rằng, lực lượng vũ trang của nước ta do Đảng thành lập và rèn luyện, do đó, để khẳng định bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang, cần quy định rõ trong Hiến pháp nghĩa vụ trung thành với Đảng của lực lượng vũ trang.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị giữ quy định này như Hiến pháp hiện hành, không quy định *"lực lượng vũ trang phải tuyệt đối trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam"*. Loại ý kiến này cho rằng cách quy định này vẫn đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện với lực lượng vũ trang, đồng thời, góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho lực lượng vũ trang Việt Nam khi tham gia thực hiện nghĩa vụ quốc tế.

Trên cơ sở nghiên cứu tiếp thu ý kiến nhân dân, Ủy ban DTSĐHP trình Quốc hội thể hiện lại Điều 70 như sau: *"Lực lượng vũ trang nhân dân tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, có nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ nhân dân,*

Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, cùng toàn dân xây dựng đất nước và thực hiện nghĩa vụ quốc tế."

VI. VỀ QUỐC HỘI (CHƯƠNG V)

Qua tổng hợp, cơ bản ý kiến nhân dân tán thành với quy định về Quốc hội như Dự thảo đã công bố. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các ý kiến tập trung vào các vấn đề sau đây:

1. Về vị trí, chức năng của Quốc hội (Điều 74), có hai loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với các quy định về vị trí, chức năng của Quốc hội trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị cần giữ quy định Quốc hội là cơ quan *duy nhất* có quyền lập hiến, lập pháp như Hiến pháp hiện hành.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, ở nước ta Quốc hội là cơ quan duy nhất do cử tri cả nước bầu ra thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước. Vì vậy, quy định Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp là hợp lý. Tuy nhiên, trong quy trình lập hiến, lập pháp có nhiều chủ thể cùng tham gia. Hơn nữa, khi thực hiện các quyền này, Quốc hội cũng tổ chức việc lấy ý kiến nhân dân hoặc trưng cầu ý dân. Vấn đề này cũng đã được quy định trong Cương lĩnh và các văn kiện khác của Đảng. Do đó, Ủy ban DTSĐHP đề nghị Quốc hội không nên quy định Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp.

2. Về thẩm quyền quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước (khoản 4 Điều 75), có hai loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* đề nghị giữ như quy định của Hiến pháp hiện hành, Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

– *Loại ý kiến thứ hai* tán thành với quy định của Dự thảo về thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định dự toán và phân bổ ngân sách trung ương; phê chuẩn quyết toán ngân sách trung ương; xem xét báo cáo tổng hợp dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước.

Ủy ban DTSĐHP báo cáo Quốc hội vấn đề này như sau: Quy định tại khoản 4 Điều 75 của Dự thảo công bố lấy kiến nhân dân đã tách bạch được giữa ngân sách trung ương và địa phương nhằm nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương đối với vấn đề ngân sách. Tuy nhiên, quy định này lại chưa phù hợp với tình hình thực tế hiện nay ở nước ta. Nhà nước Việt Nam là thống nhất, tài chính nhà nước và ngân sách nhà nước là thống nhất trong quản lý, Quốc hội đại diện cho cử tri cả nước, chứ không phải chỉ ở Trung ương. Bên cạnh đó, trong việc thực hiện ngân sách hiện nay đang tiến hành việc phân công, phân cấp trong dự toán và quyết định ngân sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách.

Trên cơ sở nghiên cứu ý kiến của nhân dân, Ủy ban DTSĐHP trình Quốc hội 2 phương án như sau:

Phương án 1: Quốc hội quyết định *dự toán ngân sách nhà nước* và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

Phương án 2: Quốc hội quyết định dự toán và phân bổ ngân sách trung ương; phê chuẩn quyết toán *ngân sách trung ương*; xem xét báo cáo tổng hợp dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước.

3. Về việc tuyên thệ khi nhậm chức, có ý kiến đề nghị đối với một số chức danh chủ chốt trong bộ máy nhà nước, khi nhậm chức cần thực hiện việc tuyên thệ vì đây là một nghi thức nhà nước quan trọng. Quy định này nhằm tôn vinh và đề cao trách nhiệm trước nhân dân của những người giữ các chức vụ cao nhất trong bộ máy nhà nước do Quốc hội bầu.

Trên cơ sở nghiên cứu ý kiến nhân dân, Ủy ban DTSĐHP đã bổ sung trình Quốc hội quy định về việc tuyên thệ khi nhậm chức của *Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao* tại khoản 7 Điều 75.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng việc tuyên thệ là hình thức, không phù hợp với thể chế chính trị ở nước ta, vì vậy không cần quy định trong Hiến pháp.

4. Về thẩm quyền ban hành pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội (khoản 2 Điều 79), có hai loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với thẩm quyền ban hành pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội như trong Dự thảo.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị không quy định thẩm quyền ban hành pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, Hiến pháp hiện hành quy định Ủy ban thường vụ Quốc hội có thẩm quyền ban hành pháp lệnh xuất phát từ vị trí của Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội. Trong điều kiện Quốc hội không hoạt động thường xuyên thì việc giữ thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh là cần thiết để đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý, điều hành đất nước. Hơn nữa, việc Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh là thực hiện ủy quyền lập pháp của Quốc hội, phải được Quốc hội quyết định trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ và hằng năm.

5. Về thẩm quyền quyết định thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (khoản 7 Điều 79), có ba loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với Dự thảo quy định thẩm quyền này thuộc về Ủy ban thường vụ Quốc hội.

– *Loại ý kiến thứ hai* cho rằng việc điều chỉnh địa giới hành chính các cấp là vấn đề quan trọng nên cần phải được Quốc hội quyết định.

– *Loại ý kiến thứ ba* đề nghị giữ quy định Chính phủ quyết định việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh.

Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Việc tiếp tục giữ thẩm quyền của Chính phủ trong việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh là kế thừa Hiến pháp hiện hành. Tuy nhiên, việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính là vấn đề quan trọng, không chỉ liên quan đến việc thay đổi về địa giới hành chính mà còn liên quan đến vấn đề tổ chức bộ máy, nhân lực, tài chính để triển khai thực hiện, đặc biệt là phải bảo đảm thể hiện được ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Vì vậy, việc quyết định địa giới hành chính các cấp phải được Quốc hội phê chuẩn. Do đặc thù Quốc hội nước ta hoạt động không thường xuyên, khối lượng công việc trong các kỳ họp là khá lớn nên phương án giao thẩm quyền này cho Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng có những yếu tố hợp lý nhất định.

Trên cơ sở nghiên cứu các ý kiến nêu trên, Ủy ban DTSĐHP trình Quốc hội 2 phương án như sau:

Phương án 1: Giao Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đề nghị của Chính phủ như Dự thảo đã công bố lấy ý kiến nhân dân.

Phương án 2: *Giữ như quy định của Hiến pháp hiện hành, thẩm quyền này thuộc Chính phủ.*

VII. VỀ CHỦ TỊCH NƯỚC (CHƯƠNG VI)

Qua tổng hợp, cơ bản ý kiến nhân dân tán thành với quy định về Chủ tịch nước như Dự thảo đã công bố và tập trung vào các vấn đề sau đây:

1. Về thẩm quyền của Chủ tịch nước đối với hoạt động lập pháp, có hai loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước trong hoạt động lập pháp như Dự thảo.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị bổ sung quy định trước khi công bố luật, Chủ tịch nước tự mình hoặc theo đề nghị của Chính phủ, đề nghị Quốc hội xem xét lại luật đã được Quốc hội thông qua.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, theo nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta thì Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, nhưng Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội, chịu trách nhiệm trước Quốc hội, Chủ tịch nước đã tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng và ban hành luật. Do vậy, đề nghị Quốc hội không bổ sung quy định này vào Dự thảo.

2. Về thẩm quyền của Chủ tịch nước đối với hoạt động hành pháp, có ba loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành quy định của Dự thảo, khi cần thiết, Chủ tịch nước yêu cầu Chính phủ họp bàn về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị quy định khi cần thiết, Chủ tịch nước yêu cầu Chính phủ họp bàn về những vấn đề mà Chủ tịch nước quan tâm.

– *Loại ý kiến thứ ba* không tán thành với quy định của Dự thảo mà đề nghị giữ như Hiến pháp hiện hành.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt Nhà nước về đối nội, đối ngoại thì trong một số trường hợp cần thiết, Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn về những vấn đề mà Chủ tịch nước quan tâm để giúp Chủ tịch nước thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình. Do đó, Ủy ban DTSĐHP chỉnh lý để trình Quốc hội cho ý kiến về nội dung này theo hướng: "*Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước".*

3. Về thẩm quyền thống lĩnh lực lượng vũ trang (khoản 5 Điều 93)

– Có ý kiến đề nghị cân nhắc có nên quy định Chủ tịch nước thống lĩnh lực lượng vũ trang trong Hiến pháp.

Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Quy định về vai trò thống lĩnh các lực lượng vũ trang của Chủ tịch nước là kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp 1992. Mặt khác, các quy định về phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh trong các lực lượng vũ trang nhân dân hoặc giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh,… đã làm rõ hơn nội hàm thẩm quyền thống lĩnh lực lượng vũ trang của Chủ tịch nước.

4. Về thẩm quyền phong hàm cấp tướng và bổ nhiệm các chức danh trong Quân đội nhân dân Việt Nam (khoản 5 Điều 93)

– *Loại ý kiến thứ nhất* đề nghị ngoài thẩm quyền phong hàm, cần bổ sung quy định về *thăng, giáng, tước quân hàm* cấp tướng trong các lực lượng vũ trang nhân dân; đồng thời, ngoài việc bổ nhiệm, cần bổ sung việc *miễn nhiệm, cách chức* Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

– *Loại ý kiến thứ hai* cho rằng, Chủ tịch nước với tư cách thống lĩnh các lực lượng vũ trang nên cần thiết phải quy định thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức vụ tư lệnh Quân khu, Quân chủng, Quân đoàn và tương đương vì đây là các chức danh chỉ huy quân đội, chứ không phải chức danh quản lý nhà nước.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, căn cứ vào mô hình tổ chức bộ máy của Nhà nước ta và thực tiễn công tác cán bộ hiện nay, việc Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng và Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam là

phù hợp. Do đó, Ủy ban DTSĐHP dự kiến chỉnh lý trình Quốc hội cho ý kiến về việc bổ sung các trường hợp về phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân trong các lực lượng vũ trang nhân dân và bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Namcho đầy đủ và phù hợp.

VIII. VỀ CHÍNH PHỦ (CHƯƠNG VII)

Qua tổng hợp, cơ bản các ý kiến nhân dân tán thành với quy định về Chính phủ như Dự thảo đã công bố. Về vị trí, tính chất của Chính phủ, hiện có hai loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành quy định vị trí, tính chất của Chính phủ như Dự thảo công bố lấy ý kiến nhân dân. Theo đó, "Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội".

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị không quy định Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội vì trong chức năng "hành pháp" và "hành chính" đã thể hiện rõ trách nhiệm của Chính phủ chấp hành Hiến pháp, luật, nghị quyết do Quốc hội thông qua. Về bản chất, việc Chính phủ tổ chức thực thi Hiến pháp, pháp luật chính là hoạt động chấp hành ý chí của nhân dân được thể hiện trong các đạo luật do Quốc hội ban hành, phù hợp với nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất và thuộc về nhân dân. Việc không tiếp tục quy định Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội sẽ làm rõ hơn vai trò hành pháp và sự phân công quyền lực cho Chính phủ trong quan hệ với Quốc hội, bảo đảm tính độc lập tương đối, sự kiểm soát của cơ quan hành pháp đối với cơ quan lập pháp, tạo cơ sở để Chính phủ chủ động, năng động hơn trong quản lý, điều hành.

Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước ở nước ta phải được xác định trên cơ sở nguyên tắc: "Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân… Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp". Quốc hội là cơ quan duy nhất do cử tri cả nước trực tiếp bầu ra. Với tư cách là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội được nhân dân uỷ quyền ban hành Hiến pháp, luật, nghị quyết, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, thiết lập nên các cơ quan hiến định trong bộ máy nhà nước và giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Do đó, Chính phủ là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức và bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, luật, nghị quyết do Quốc hội ban hành, đồng thời chịu trách nhiệm báo cáo công tác với Quốc hội và chịu sự giám sát của Quốc hội. Vấn đề này cũng đã được quy định trong các bản Hiến pháp trước đây của nước ta. Trong thực tế vừa qua, quy định này chưa thấy có gì vướng mắc, cản trở hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ.

IX. VỀ TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN (CHƯƠNG VIII)

Qua tổng hợp, cơ bản các ý kiến nhân dân tán thành với quy định về Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân như Dự thảo đã công bố và tập trung vào các vấn đề sau đây:

1. Về thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao (Điều 109)

Có ý kiến đề nghị bổ sung thẩm quyền ban hành án lệ của Tòa án nhân dân tối cao.

Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Hệ thống pháp luật nước ta theo hệ thống luật thành văn. Tòa án nhân dân tối cao đã và đang thực hiện chức năng tổng kết thực tiễn xét xử và bảo đảm việc áp dụng thống nhất pháp luật. Việc thực hiện chức năng này đã mang lại hiệu quả thiết thực cho các Tòa án thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong khi đó, việc nghiên cứu ban hành và áp dụng án lệ ở nước ta đã được nêu trong Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp nhưng đây là vấn đề mới và đang còn có ý kiến khác nhau nên đề nghị chưa quy định vào Dự thảo Hiến pháp. Vấn đề này sẽ được tiếp tục nghiên cứu, nếu thấy phù hợp sẽ quy định trong luật.

2. Về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân (Điều 112), hiện có ba loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với Dự thảo về chức năng của Viện kiểm sát là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Quy định như vậy là phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy của Nhà nước ta hiện nay.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị bổ sung quy định Viện kiểm sát có chức năng kiểm sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kiểm sát việc xử phạt vi phạm hành chính (kiểm sát chung) và thực hiện các hoạt động khác do luật định.

– *Loại ý kiến thứ ba* đề nghị quy định Viện kiểm sát thực hiện chức năng công tố, kiểm sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kiểm sát việc xử phạt vi phạm hành chính mà không quy định Viện kiểm sát có chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp vì quy định như vậy là trái với quy định về Viện kiểm sát thực hành quyền công tố (một bên tham gia tố tụng), không phù hợp với quy định Tòa án thực hiện quyền tư pháp.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, quy định Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp là bước điều chỉnh quan trọng nhằm thực hiện chủ trương tại Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và đây cũng là kết luận tại Hội nghị Trung ương 5. Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) đã bỏ chức năng kiểm sát chung của Viện kiểm sát nhân dân để cơ quan này tập trung thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Hơn nữa, trong tổ chức bộ máy nhà nước ta hiện nay đã có các thiết chế kiểm tra, thanh tra, giám sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật và việc xử lý vi phạm hành chính. Nếu quy định chức năng kiểm sát chung cho Viện kiểm sát thì sẽ gây chồng chéo về chức năng giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Hiến pháp cũng không nên quy định “thực hiện các hoạt động khác” vì Hiến pháp là đạo luật cơ bản, chỉ quy định những vấn đề lớn, cơ bản còn các vấn đề khác để luật định.

3. Về nguyên tắc hoạt động độc lập của Kiểm sát viên (khoản 2 Điều 114), có hai loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* cho rằng khi hoạt động, Kiểm sát viên không chỉ tuân theo pháp luật mà còn chịu sự chỉ đạo của Viện trưởng. Do vậy, đề nghị giữ như Dự thảo đã công bố lấy ý kiến nhân dân.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị khi hoạt động Kiểm sát viên chỉ tuân theo pháp luật, quy định này nhằm tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên.

Uỷ ban DTSĐHP nhận thấy, hiện nay tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát theo nguyên tắc tập trung thống nhất từ trung ương đến địa phương, khác với tổ chức và hoạt động của Tòa án. Do đó khi hoạt động Kiểm sát viên không chỉ tuân theo pháp luật mà còn chịu sự chỉ đạo của Viện trưởng, nhưng đồng thời, Kiểm sát viên vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Do vấn đề này còn có ý kiến khác nhau nên đề nghị Quốc hội tiếp tục thảo luận, cho ý kiến.

4. Về Ủy ban kiểm sát, có ý kiến đề nghị giữ lại quy định về Ủy ban kiểm sát như Hiến pháp hiện hành và cần quy định vào Hiến pháp một số nhiệm vụ khác của Viện kiểm sát.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, đây là những vấn đề cụ thể thuộc về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. Vì vậy, đề nghị Quốc hội cho tiếp tục nghiên cứu để quy định cụ thể trong luật.

X. VỀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG (CHƯƠNG IX)

Vấn đề chính quyền địa phương được các tầng lớp nhân dân quan tâm và góp nhiều ý kiến, trong đó có 3 loại ý kiến chính sau đây:

– Loại ý kiến thứ nhất tán thành giữ các quy định về các đơn vị hành chính như Điều 118 của Hiến pháp hiện hành và mô hình chính quyền địa phương được tổ chức ở tất cả các đơn vị hành chính theo nguyên tắc ở đâu có cơ quan hành chính thì ở đó phải có cơ quan đại diện để giám sát.

– Loại ý kiến thứ hai đề nghị Hiến pháp cần có những quy định để tạo cơ sở hiến định cho việc đổi mới căn bản mô hình tổ chức chính quyền địa phương. Theo đó, cần xác định lại đơn vị hành chính và mô hình tổ chức chính quyền địa phương ở từng đơn vị hành chính. Cụ thể là: đơn vị hành chính gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Tương ứng với đơn vị hành chính thì có 2 cấp chính quyền là chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chính quyền cơ sở (chính quyền thành phố, thị xã, thị trấn, xã…).

– Loại ý kiến thứ ba đề nghị giữ nguyên quy định về đơn vị hành chính như Hiến pháp hiện hành nhưng chỉ tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và xã; còn đơn vị hành chính huyện, quận, phường thì chỉ có cơ quan quản lý hành chính.

Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Mô hình chính quyền địa phương ở nước ta hiện nay đang đứng trước thực tế cần yêu cầu đổi mới để phù hợp với tình hình mới, trình độ phát triển của đất nước. Đồng thời, nhiều đề án liên quan đến đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương hiện đang được triển khai nghiên cứu, thí điểm (Đề án thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường, Đề án về chính quyền đô thị…). Do chưa có kết luận từ tổng kết các đề án này nên Dự thảo chưa thiết kế được mô hình cụ thể của chính quyền địa phương. Vì vậy, Ủy ban DTSĐHP trình Quốc hội 2 phương án về mô hình chính quyền địa phương như sau:

Phương án 1: Giữ quy định về đơn vị hành chính và quy định khái quát về việc tổ chức chính quyền địa phương. Theo phương án này thì Chương IX gồm 2 điều, một điều quy định về đơn vị hành chính, một điều quy định về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương do luật định.

Phương án 2: Giữ quy định về đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương như Hiến pháp hiện hành.

XI. VỀ HỘI ĐỒNG HIẾN PHÁP, HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA, KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC (CHƯƠNG X)

Qua tổng hợp, cơ bản các ý kiến nhân dân tán thành với việc bổ sung một chương mới về các thiết chế hiến định độc lập. Về Hội đồng Hiến pháp và Hội đồng bầu cử quốc gia, các ý kiến tập trung vào các vấn đề sau đây:

1. Về Hội đồng Hiến pháp (Điều 120), hiện có 2 loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* đề nghị không nên thành lập Hội đồng Hiến pháp mà duy trì cơ chế bảo hiến hiện hành. Bởi vì, việc bổ sung thiết chế mới này trong khi chưa rõ vị trí, tổ chức, nguyên tắc hoạt động, cơ chế phối hợp với các cơ quan khác dễ dẫn đến sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, cồng kềnh bộ máy, không đạt hiệu quả.

– *Loại ý kiến thứ hai* tán thành với sự cần thiết thành lập Hội đồng Hiến pháp, nhưng đề nghị bổ sung thêm nhiệm vụ, quyền hạn đối với thiết chế này cho phù hợp với yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn.

Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Hiến pháp hiện hành đã xác định cơ chế bảo vệ Hiến pháp thông qua các quy định về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, đặc biệt là Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội. Cơ chế bảo vệ Hiến pháp hiện hành cơ bản phù hợp với tính chất và đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy của Nhà nước ta nhưng thực tiễn thời gian qua cho thấy, cơ chế này chưa thực sự hiệu quả nên cần tiếp tục hoàn thiện.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, việc xây dựng cơ chế bảo vệ Hiến pháp đã được thể hiện trong các nghị quyết của Đại hội X, XI và Kết luận của Hội nghị Trung ương 5 khóa XI cũng chỉ rõ “nghiên cứu các mô hình cơ quan bảo vệ Hiến pháp phù hợp với thể chế chính trị và điều kiện cụ thể của nước ta”. Do đó, cùng với việc tiếp tục khẳng định và hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp hiện hành, Dự thảo đề xuất phương án thành lập

Hội đồng Hiến pháp. Quy định về Hội đồng Hiến pháp như trong Dự thảo không mâu thuẫn với quy định Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đồng thời thể hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Trên cơ sở nghiên cứu ý kiến nhân dân, Ủy ban DTSĐHP trình Quốc hội 2 phương án như sau:

Phương án 1: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp hiện hành, tăng cường trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan khác của Nhà nước trong việc bảo vệ Hiến pháp.

Phương án 2: Thành lập Hội đồng Hiến pháp như trong Dự thảo.

– Có ý kiến đề nghị cần thành lập cơ quan bảo hiến độc lập (Tòa án Hiến pháp) có chức năng phán quyết về các vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, xuất phát từ đặc điểm, mô hình tổ chức bộ máy và điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay thì việc thành lập Tòa án Hiến pháp với chức năng tài phán là chưa phù hợp.

2. Về Hội đồng bầu cử quốc gia (Điều 121), hiện có 3 loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với việc quy định Hội đồng bầu cử là một thiết chế hiến định độc lập như Dự thảo.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị cần cân nhắc việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia vì cho rằng bầu cử chỉ diễn ra 5 năm một lần.

– *Loại ý kiến thứ ba* đề nghị xác định tính chất hoạt động thường xuyên hay không thường xuyên của cơ quan này ngay trong Dự thảo.

Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia thực chất là việc hiến định vai trò, địa vị pháp lý Hội đồng bầu cử trung ương hiện đang được quy định trong luật bầu cử nhằm phát huy dân chủ, bảo đảm được tính khách quan trong công tác tổ chức bầu cử ở nước ta. Về tính chất hoạt động, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng bầu cử quốc gia và số lượng thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia sẽ do Luật định. Vì vậy, đề nghị giữ quy định về Hội đồng bầu cử quốc gia như trong Dự thảo.

3. Về việc thành lập thêm một số cơ quan hiến định độc lập khác

Có ý kiến đề nghị thành lập thêm một số cơ quan hiến định độc lập khác như Ủy ban chống tham nhũng quốc gia, Ngân hàng Trung ương, Hội đồng tư pháp quốc gia, Thanh tra Quốc hội, Ủy ban quốc gia về quyền con người, để tăng thêm tính pháp quyền của Nhà nước ta, đồng thời bảo đảm hiệu quả thực hiện việc kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Ủy ban DTSĐHP nhận thấy, đây là vấn đề mới cần được nghiên cứu kỹ mà chưa quy định trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp. Mặt khác, theo quy định tại Điều 75 của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp thì trong trường hợp cần thiết, Quốc hội vẫn có thẩm quyền thành lập các cơ quan khác.

XII. VỀ VIỆC SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP (CHƯƠNG XI)

Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến như sau:

– *Loại ý kiến thứ nhất* tán thành với quy trình sửa đổi Hiến pháp là giao Quốc hội quyết định việc trưng cầu ý dân về Hiến pháp như quy định tại Điều 124 của Dự thảo.

– *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị Hiến pháp phải được trưng cầu ý dân (hoặc phúc quyết) sau khi được Quốc hội thông qua. Bởi vì, Hiến pháp là đạo luật gốc, đạo luật cơ bản, thể hiện chủ quyền của nhân dân, ý chí, nguyện vọng của nhân dân nên phải do nhân dân quyết định. Việc nhân dân quyết định Hiến pháp thông qua trưng cầu ý dân nhằm khẳng định quyền cao nhất của nhân dân là chủ thể của Hiến pháp, tạo nền tảng vững chắc cho hiệu lực của Hiến pháp, nâng cao ý thức và quyền làm chủ của nhân dân trong việc tôn trọng và thi hành Hiến pháp.

Ủy ban DTSĐHP xin báo cáo Quốc hội về vấn đề này như sau: Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta là tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Vì vậy, nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp. Thực tiễn lập hiến ở Việt Nam cho thấy, nhân dân tham gia vào tất cả các công đoạn của quy trình lập hiến, từ việc tổng kết thi hành Hiến pháp đến việc xây dựng và tham gia ý kiến vào dự thảo sửa đổi Hiến pháp trình Quốc hội thông qua. Do đó, về thực chất, dự thảo sửa đổi Hiến pháp trước khi trình Quốc hội thông qua đã thể hiện ý chí và trí tuệ của nhân dân. Vì vậy, quy định Quốc hội thông qua Hiến pháp không trái với nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mặt khác, trưng cầu ý dân về Hiến pháp là việc hệ trọng nên cần phải được cân nhắc một cách toàn diện, phù hợp với tình hình, đặc điểm của từng giai đoạn phát triển của nước ta. Do đó, để kết hợp giữa thẩm quyền của Quốc hội và quyền của nhân dân trong việc xây dựng Hiến pháp, đề nghị quy định "*Việc trưng cầu ý dân về Hiến pháp do Quốc hội quyết định".*

Ngoài những vấn đề nêu trên, Ủy ban DTSĐHP đã rà soát, nghiên cứu để trình Quốc hội tiếp thu, chỉnh lý cả về nội dung và kỹ thuật lập hiến trên cơ sở ý kiến góp ý của nhân dân ở tất cả các chương, điều, khoản để thể hiện trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp.

*

* *

Trên đây là Báo cáo về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp trên cơ sở ý kiến của nhân dân, Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 xin trân trọng báo cáo Quốc hội.

Nơi nhận:– Như trên;- Lưu: HC, UBDTSĐHP.- Số e-PAS: 34674	**TM. ỦY BAN DỰ THẢO** **SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP NĂM 1992** **CHỦ TỊCH** *(đã ký)* **Nguyễn Sinh Hùng**

[1] Từ ngày 02/01/2013 đến hết ngày 31/3/2013 có 26.090.828 lượt ý kiến; từ 01/4/2013 đến 30/4/2013 có 448 lượt ý kiến. Số liệu cụ thể xin xem Báo cáo tổng hợp ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 của Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992.

Nguồn: http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_NGHIQUYET/View_Detail.aspx?ItemID=32&TabIndex=2&TaiLieuID=1003